TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2019/HS-ST
Ngày: 30/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán sơ cấp - Chủ toạ phiên toà: Bà ***Triệu Thúy Hà*.**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông ***Nguyễn Hữu Đệ***;
2/ Bà ***Nguyễn Thị Nghiêm***;
- Thư ký phiên toà: Ông ***Nguyễn Đăng Hùng*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà ***Nguyễn Ngọc Ánh***- Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh - thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 70/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/QĐST-HS ngày 20/5/2019, đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 1971**;** G tính: Nam; Nơi cư trú: Xóm 4 M, N, C, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 11/12; Bố đẻ: Nguyễn Mạnh H, sinh năm: 1930; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1932 (Đã chết); Gia đình có 10 anh chị em, bị cáo là con thứ 10; Vợ: Nguyễn Thị K, sinh năm: 1973; có 04 con lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án tiền sự: Không; Tạm giữ: 09/01/2019; Thay thế biện pháp ngăn chặn: 18/01/2019; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1984; G tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Xóm B1, N, C, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp:Lao động tự do; Văn hóa: 11/12; Bố đẻ: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1948; Làm ruộng; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1959; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 03; Vợ: Nguyễn Thị Thanh T (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2014; Tiền án tiền sự: Không; Tạm giữ: 09/01/2019; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn: 12/01/2019; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú

3. Họ tên: **Hoàng Thị M**, sinh năm: 1983; G tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Xóm 4 M, N, C, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 8/12; Bố đẻ: Hoàng Ngọc C, sinh năm: 1960; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị G, sinh năm: 1963; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 02 ; Chồng: Nguyễn Văn H, có 02 con lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2003; Tiền án tiền sự: Không; Tạm giữ: 09/01/2019; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn: 12/01/2019; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú

4. Họ tên: **Nguyễn Đức Đ**, sinh năm: 1976; G tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú:Xóm B2, N, C, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp:Lái xe; Văn hóa: 12/12; Bố đẻ: Nguyễn Đức L, sinh năm: 1947; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị C, sinh năm: 1950; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ 3; Vợ: Phạm Thị Kim C, có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2005; Tiền án tiền sự: Không; Tạm giữ: 09/01/2019; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn: 12/01/2019; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú

5. Họ tên: **Nguyễn Văn G**, sinh năm: 1972; G tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Xóm B3, N, C, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 10/12; Bố đẻ: Nguyễn Văn C (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị K (đã chết); Gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 5; Vợ: Nguyễn Thị L, có 03 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2000; Tiền án tiền sự: Không; Tạm giữ: 09/01/2019; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn: 12/01/2019; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Họ tên: **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1984; G tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Xóm B3, N, C, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 11/12; Bố đẻ: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1959; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị G; sinh năm: 1961; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2; Vợ: Nguyễn Thị H, có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án tiền sự: Không; Tạm giữ: 09/01/2019; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn: 12/01/2019; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú

7. Họ tên: **Lại Văn A**, sinh năm: 1998; G tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: T, N, C, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Văn hóa: 12/12; Bố đẻ: Lại Văn D; Mẹ đẻ: Lê Thị D; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; Tiền án tiền sự: Không; Tạm giữ: 09/01/2019; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn: 12/01/2019; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Họ tên: **Hoàng Ngọc K**, sinh năm: 1991; G tính: Nam; Tên gọi khác: Hải; Nơi cư trú: Xóm Trại, N, C, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Văn hóa: 10/12; Bố đẻ: Hoàng Ngọc T; Mẹ đẻ: Lê Thị V; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; Vợ: Phạm Thị Thu H, có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án tiền sự: Không; Tạm giữ:

09/01/2019; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn: 12/01/2019; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

9. Họ tên: **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1987; G tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Xóm 4 M, N, C, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hóa: 12/12; Bố đẻ: Nguyễn Văn C; Mẹ đẻ: Hoàng Thị M; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; Vợ: Hoàng Thị O, có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án tiền sự: Không; Tạm giữ: 09/01/2019; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn: 12/01/2019.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau: Khoảng 19h ngày 09/01/2019, Nguyễn Văn T đến nhà S đánh bạc ăn tiền, bị cáo T bảo bị cáo S gọi điện rủ các con bạc đến nhà đánh bạc. Khoảng 20h30', bị cáo S sử dụng số thuê bao 0394345652 (của S) gọi điện đến các số thuê bao 0975726183 của bị cáo Hoàng Thị M, số thuê bao 0962546248 của bị cáo Hoàng Ngọc P, số thuê bao 0962920808 của bị cáo Nguyễn Đức Đ, số thuê bao 0986830613 của bị cáo Nguyễn Văn G, số thuê bao 0989032126 của bị cáo Nguyễn Văn C rủ đến nhà bị cáo S đánh bạc. Bị cáo C gọi điện đến số 0345505409, rủ bị cáo Lại Văn A, sau đó đi cùng A đến nhà S đánh bạc. Các bị cáo Nguyễn Văn D, Hoàng Ngọc K (tức Hải) biết nhà S có đánh bạc nên tự đến.

Khi đông đủ các con bạc, bị cáo S trải chăn, bị cáo T tự ý vào lấy bát đĩa, bị cáo M tự ý cắt 04 quân xóc để cho các con bạc tham gia đánh bạc. Lúc này, bị cáo K tự ý xóc cái cho các con bạc sát phạt.

Do không mang theo tiền nên bị cáo T bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo của mình cho bị cáo M lấy 1.600.000 đồng. Bị cáo M vay bị cáo S 1.600.000 đồng trả cho bị cáo T. Bị cáo T sử dụng số tiền này để đánh bạc. Chơi được khoảng 15 phút, bị cáo S thu của mỗi con bạc 100.000 đồng ''tiền phế''. Do bị thua hết tiền, bị cáo M vay của bị cáo G 5.000.000 đồng đánh bạc, bị cáo Đ vay của bị cáo S 1.600.000 đồng tiếp tục đánh bạc. Lúc này bị cáo M đưa cho bị cáo Đ 1.600.000 đồng tiền bị cáo M vay của bị cáo S lấy điện thoại của bị cáo T trước đó. Bị cáo Đ thắng bạc nên đã sử dụng tiền này trả lại cho bị cáo S số tiền 1.600.000 đồng vay trước đó. Đến khoảng hơn 22h, cùng ngày bị cáo K đi về trước, bị cáo P thay K tiếp tục xóc cái.

Hình thức đánh bạc của các bị cáo như sau:

Con bạc ngồi thành hai dãy, quy định bên tay phải của người xóc cái là bên chẵn, bên tay trái của người xóc cái là bên lẻ. Người xóc cái cho 04 (bốn) quân xóc vào đĩa, úp bát lên và xóc rồi đặt xuống chiếu bạc. Các con bạc tự quy định với nhau mỗi ván đặt tối thiểu 50.000 đồng, không khống chế mức độ sát phạt, đặt tiền vào cửa chẵn lẻ

tùy ý. Căn cứ vào số tiền con bạc đặt cược, người xóc cái có thể "cân" hết số tiền cược hai mặt chẵn lẻ (trường hợp này người xóc cái sẽ chịu trách nhiệm thu và trả tiền cả hai phía chẵn lẻ, các con bạc không được đánh thêm số tiền đặt cược khi người xóc cái đã "cân" mà chỉ được đặt cược trực tiếp với nhau, số tiền các con bạc đánh trực tiếp với nhau sẽ tự trả tiền thắng thua cho nhau không liên quan đến người xóc cái); người xóc cái có thể thừa tiền cược thêm để các con bạc nhận cược hoặc chỉ nhận tiền cược một mặt chẵn hoặc lẻ và không nhận tiền cược ở mặt còn lại. Sau khi không ai đặt thêm tiền, người xóc cái (hoặc một người được chọn) mở bát để tính thắng thua. Nếu có 04 (bốn) hoặc 02 (hai) quân xóc cùng một mặt và 02 (hai) quân còn lại cùng một mặt là chẵn, người chơi đặt cược cửa chẵn thắng, người chơi đặt cược cửa lẻ thua; Nếu có 03 (ba) quân xóc cùng một mặt và 01 (một) quân xóc còn lại một mặt là lẻ, người chơi đặt cược cửa lẻ thắng còn người chơi đặt cược cửa chẵn thua. Người xóc cái lấy tiền cược của bên thua trả tiền cho bên thắng theo tỷ lệ 1:1, sau khi trả tiền xong còn thừa tiền thì người xóc cái được hưởng, nếu trả không đủ thì người xóc cái bù thêm tiền của mình trả cho đủ rồi tiếp tục xóc ván tiếp theo.

Các bị cáo chơi đến khoảng 22h30' cùng ngày thì bị tổ công tác Đội cảnh sát hình sự - Công an huyện C phát hiện bắt quả tang, bị cáo Nguyễn Văn C bỏ chạy thoát.

Ngày 15/01/2019, bị cáo Hoàng Ngọc K (tức Hải) đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C trình diện và khai nhận hành vi phạm tội. Ngày 16/01/2019, bị cáo Nguyễn Văn C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C trình diện và khai nhận hành vi phạm tội.

Về số tiền sử dụng đánh bạc các bị cáo khai:

Bị cáo Nguyễn Văn S không tham gia đánh bạc, thu phế của các con bạc (gồm M, P, Đ, D, G, C) được 600.000 đồng. Quá trình đánh bạc M vay của S 1.600.000 đồng để mua điện thoại của T, sau đó M trả lại S, S cho Đ vay 1.600.000 đồng (không lấy lãi). Quá trình điều tra, bị cáo S khai nhận mục đích cho Đ vay tiền là để Đ có tiền tham gia đánh bạc, S sẽ thu được nhiều tiền hồ.

Bị cáo Hoàng Ngọc P mang theo 5.800.000 đồng để đánh bạc, nộp phế 100.000 đồng, khi bị bắt thua còn 5.000.000 đồng trên người bị tạm giữ.

Bị cáo Nguyễn Văn T không mang theo tiền, bán điện thoại của mình đang sử dụng cho M lấy 1.600.000 đồng để đánh bạc, không phải nộp phế, khi bị bắt quả tang thua hết tiền.

Bị cáo Hoàng Thị M mang theo 1.000.000 đồng, nộp phế 100.000 đồng, vay S 1.600.000 đồng để mua điện thoại của T. Quá trình đánh bạc thua, vay của G 5.000.000 đồng để đánh tiếp, sau đó trả lại S 1.600.000 đồng, khi bị bắt thua còn 4.900.000 đồng trên người bị tạm giữ.

Bị cáo Nguyễn Đức Đ mang theo 3.000.000 đồng để đánh bạc, nộp phế 100.000 đồng. Quá trình đánh bạc bị thua hết tiền mang theo nên vay của S 1.600.000 đồng

để đánh tiếp, khi bị bắt quả tang đang thắng khoảng 6.450.000 đồng. Bị tạm giữ trên người 9.450.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn G mang theo 3.500.000 đồng để đánh bạc, nộp phế 100.000 đồng. Quá trình đánh bạc thắng 5.500.000 đồng, cho M vay 5.000.000 đồng, bị tạm giữ trên người 3.900.000 đồng.

Bị cáo Lại Văn A khai mang theo 1.300.000 đồng để đánh bạc, chưa nộp phế, khi bị bắt quả tang thua hết tiền.

Bị cáo Nguyễn Văn D mang 2.600.000 đồng để đánh bạc, nộp phế 100.000 đồng, khi bị bắt quả tang hòa tiền, bị tạm giữ trên người 2.500.000 đồng.

Bị cáo Hoàng Ngọc K (tức Hải) không mang theo tiền đánh bạc, không phải nộp phế, xóc cái cho các con bạc chơi và nhận tiền cược của các con bạc mỗi ván từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, sau đó thua hết tiền thì P vào thay xóc cái, bỏ về trước khi bị bắt quả tang.

Bị cáo Nguyễn Văn C mang 700.000 đồng để đánh bạc, nộp phế 100.000 đồng, khi bị bắt quả tang thua hết tiền, bỏ chạy thoát.

Quá trình điều tra mở rộng vụ án, các Bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn D, Nguyễn Đức Đ khai nhận đã tham gia đánh bạc được 1-2 lần tại nhà S (cách lần bị bắt quả tang khoảng 30 ngày). Cơ quan điều tra không làm rõ được các con bạc tham gia chơi, cũng như số lượng tiền sát phạt nên không có cơ sở để kết luận.

Tổng số tiền thu dưới chiếu bạc, tiền phế, tiền thu trên người các Bị cáo khai dùng để đánh bạc là 34.970.000 đồng. Do vậy đủ cơ sở để kết luận tổng số tiền các Bị cáo sử dụng để đánh bạc là 34.970.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị can Hoàng Ngọc P khai bị mắc bệnh rối loạn lo âu phong tỏa phải điều trị tâm thần từ năm 2010. Ngày 23/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C đã Quyết định trưng cầu giám định Viện pháp y tâm thần Trung ương đối với bị cáo Hoàng Ngọc P, đến nay chưa có kết luận giám định.

Ngày 10/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Quyết định tách vụ án, tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị cáo, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Hoàng Ngọc P để điều tra xử lý sau là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị K quá trình phát hiện bắt quả tang, xác định anh K, chị K có mặt tại sới bạc, nhưng không tham gia đánh bạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, lắp số thuê bao 0335900021 thu của Bị cáo S; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung vỏ màu xanh, lắp các số thuê bao 0969361976 và số thuê bao 0376795672; 01 sim số thuê bao 09868350381 thu của Bị cáo M; 01 sim số thuê bao 0888851987 thu của bị cáo P; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Nokia 1280 vỏ màu đen, lắp số thuê bao 0907771997 thu của bị cáo Đ; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung J4 vỏ màu đen, lắp số thuê bao 0366599255 thu của Bị cáo D; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 6 plus vỏ màu trắng, lắp số thuê bao 0345505409 thu của Bị cáo A là tài sản cá nhân của các Bị cáo,

không liên quan đến vụ án. Ngày 06/3/2019, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho các Bị cáo Hoàng Thị M, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn D, Lại Văn A và chị Nguyễn Thị D (vợ bị cáo P) là có căn cứ.

Đối với 01 chăn màu đỏ, 04 quân xóc, 01 bát bằng sứ bị vỡ thành nhiều mảnh, 01 đĩa bằng sứ bị vỡ thành nhiều mảnh; số tiền 34.970.000 đồng; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Oppo vỏ màu hồng, lắp số thuê bao 0971586313 thu của Bị cáo T; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung vỏ màu đen, lắp số thuê bao 0975726183 thu của Bị cáo M; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Oppo vỏ màu trắng, lắp số thuê bao 0962546248 thu của Bị cáo P ; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 7 vỏ màu đen, lắp số thuê bao 0962920808 thu của bị cáo Đ; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung Galaxy J3 vỏ màu vàng lắp số thuê bao 0986830613 thu của bị cáo G là vật chứng của vụ án chuyển Tòa án nhân dân huyện C giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội.

Bản Cáo trạng số 70/CT-VKSĐA ngày 10/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận huyện C quyết định truy tố:

-Bị cáo: Nguyễn Văn S về tội Gá bạc quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015

- Bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Thị M, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn G, Lại Văn A, Nguyễn Văn D, Hoàng Ngọc K và Nguyễn Văn C về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo khai nhận tội. Các bị cáo thừa nhận: Khoảng 19h ngày 09/01/2019, bị cáo Nguyễn Văn S có hành vi gọi điện thoại rủ rê lôi kéo các bị cáo M, Đ, G, C và bị can P đến nhà bị cáo S đánh bạc. Sau đó các bị cáo khác cũng đến nhà bị cáo S để tham gia đánh bạc. Bị cáo S chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tôi như chuẩn bị chỗ cho các bị cáo khác ngồi đánh bạc, mở cổng khóa cổng để các con bạc vào nhà chơi đánh bạc, đồng tình với các bị cáo khác có hành vi cắt bài vị, lấy bát đĩa để chơi đánh bạc, cho các bị cáo khác vay tiền để nhằm mục đích thu hút các con bạc đến đánh bạc, đồng thời thu phế của các con bạc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo, khẳng định hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Thị M, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn G, Lại Văn A, Nguyễn Văn D, Hoàng Ngọc K và Nguyễn Văn C cấu thành tội" Đánh bạc". Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo trên.

Đối với Bị cáo Nguyễn Văn S, quá trình thẩm vấn tại phiên tòa Viện kiểm sát nhận thấy hành vi của bị cáo S sử dung nhà mình cho các bị cáo khác đánh bạc, chuẩn bị công cụ phương tiện để các bị cáo khác đánh bạc như trải chăn (để các bị cáo ngồi đánh bạc), cho các bị cáo M vay tiền mua điện thoại của bị cáo T, cho bị cáo Đ vay tiền để đánh bạc, S sẽ thu được nhiều tiền hồ. Do vậy, hành vi của bị cáo S cấu thành tội Tổ chức đánh bạc. Căn cứ khoản 1 Điều 266 của Bộ luật tố tụng hình sự, Viện

kiểm sát nhân dân huyện C chuyển tội danh mà đã truy tố đối với bị cáo S từ tội Gá bạc sang tội Tổ chức đánh bạc.

Do tội Gá bạc và tội Tổ chức đánh bạc cùng được quy định tại Điều 322 Bộ luật hình sự, cùng khung hình phạt nên Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đối với bị cáo S theo tội danh Tổ chức đánh bạc, giữ nguyên Khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử phân tích đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, do tự phát, không có sự phân công vai trò chặt chẽ giữa các bị cáo. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, đối với các bị cáo đánh bạc có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đối với bị cáo T có bố đẻ là người có thành tích trong quân đội. Đối với bị cáo S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp tiền thu lời bất chính, bố đẻ là người có công. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 322, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn S từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 tháng đến 48 tháng.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T, Hoàng Thị M, Hoàng Ngọc K, Nguyễn Văn G mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng đến 30 tháng.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn D mỗi bị cáo từ 10 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20 tháng đến 24 tháng.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Lại Văn A, Nguyễn Văn C mỗi bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 tháng đến 18 tháng.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng Khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự, phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn S 20.000.000 đồng.

Áp dụng Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt tiền các bị cáo: Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn G, Lại Văn A, Nguyễn Văn D, Hoàng Ngọc K, Nguyễn Văn C, Hoàng Thị M mỗi bị cáo 10.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Vật chứng gồm: 01 chăn màu đỏ, 04 quân xóc, 01 bát bằng sứ bị vỡ thành nhiều mảnh, 01 đĩa bằng sứ bị vỡ thành nhiều mảnh;

Tịch thu sung công: số tiền 34.970.000 đồng; 05 điện thoại di động thu của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện C thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền và các quy định khác về điều tra, truy tố. Việc tách rút tài liệu đối với Hoàng Ngọc P là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi và tội danh:

Về hành vi và tội danh của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác tại cơ quan điều tra, được chứng minh bằng tang vật vụ án thu được tại nhà bị cáo S.

Bị cáo S có hành vi rủ rê lôi kép các bị cáo khác đến nhà bị cáo để đánh bạc được thua bằng tiền và hiện vật, bị cáo cho các bị cáo khác vay tiền, chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tôi như chuẩn bị chỗ ngồi (trải chăn chỗ ngồi, mở cổng đón con bạc, khóa cổng), đồng tình khi thấy các con bác khác chuẩn bị bài vị và bát đĩa để chơi xóc đĩa. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S đã cấu thành tội "Tổ chức đánh bạc", tội phạm và hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự. Vị đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào các tình tiết trong hồ sơ và diễn biến phiên Tòa đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo S về tội "Tổ chức đánh bạc" là đúng quy định. Do đó hành vi của bị cáo S cấu thành tội "Tổ chức đánh bạc". Căn cứ Khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về giới hạn xét xử. Nội dung điều luật quy định "…2. Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố". Từ căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định xét xử bị cáo về tội " Tổ chức đánh bạc" khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Thị M, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn G, Lại Văn A, Nguyễn Văn D, Hoàng Ngọc K và Nguyễn Văn C: Các bị cáo có hành vi đánh bạc dưới thình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền. Tổng số tiền thu trên chiếu bạc là 34.970.000 đồng. Hành vi của các bị cáo cấu thành tội đánh bạc. Tội phạm và hành phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi "Tổ chức đánh bạc" của bị cáo Nguyễn Văn S và hành vi "Đánh bạc" của các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Thị M, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn G, Lại Văn A, Nguyễn Văn D, Hoàng Ngọc K và Nguyễn Văn C là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự, an toàn công cộng, là tệ nạn xã hội cần bài trừ. Các bị cáo có nặng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi và hậu quả do hành vi của mình gây ra. Song do thiếu ý thức, các bị cáo cố tình phạm tội. Việc đưa các bị cáo ra xét xử và có mức hình phạt thỏa đáng nhằm mục đích giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội đồng thời đấu tranh tuyên truyền giáo dục phòng chống tội phạm nói chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật trước mọi hành vi phạm tội.

[3] Về nhân thân và tiền án, tiền sự của các bị cáo:

- Về Tiền án, tiền sự: Các bị cáo không có tiền án tiền sự.

- Về nhân thân: Các bị cáo phạm tội lần đầu, không có tiền án tiền sự.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình, Tòa án đã xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để từ đó có hình phạt tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể:

- Tình tiết tăng nặng: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ: Nguyễn Văn T, Hoàng Thị M, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn G, Lại Văn A, Nguyễn Văn D, Hoàng Ngọc K và Nguyễn Văn C thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về tội lỗi của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo Điểm i,s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Đối với Nguyễn Văn T áp dụng thêm Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do bố đẻ bị cáo được tặng huân chương hạng 3 vì có thành tích tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam (Vào sổ Huân chương năm 1979).

Đối với Bị cáo S thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện nộp số tiền thu lời bất chính, bố bị cáo người có công (được tặng huân chương chiến thắng hạng 3) theo Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt: Xác định đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo bột phát nảy sinh ý định phạm tội, tiếp nhận ý chí của nhau và cùng nhau thực hiện tội phạm, không có sự phân công phân nhiệm vai trò của các bị cáo. Vì vậy, cần cân nhắc mức hình phạt để có tính răn đe và giáo dục chung. Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, xử phạt các bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để các bị cáo có cơ hội cải tạo ngoài xã hội cũng đủ răn đe giáo dục đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo S có thu lời bất chính nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với mức 20.000.000 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Thị M, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn G, Lại Văn A, Nguyễn Văn D, Hoàng Ngọc K và Nguyễn Văn C có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền nên cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền mỗi bị cáo với mức 10.000.000 đồng.

[6] Về vật chứng: Cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy:

+ Vật chứng gồm: 01 chăn màu đỏ, 04 quân xóc, 01 bát bằng sứ bị vỡ thành nhiều mảnh, 01 đĩa bằng sứ bị vỡ thành nhiều mảnh; Đối với các sim điện thoại lắp trong 05 điện thoại di dộng gồm :

+ 01 sim số thuê bao 0971586313 của Nguyễn Văn T lắp trong điện thoại nhãn hiệu Oppo vỏ màu hồng;

+ 01 sim số thuê bao 0975726183 của Hoàng Thị M lắp trong điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung vỏ màu đen;

+ 01 sim số thuê bao 0962546248 thu giữ của Hoàng Ngọc P lắp trong điện thoại di dộng nhãn hiệu Oppo vỏ màu trắng;

+ 01 sim số thuê bao 09629208080 lắp trong điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 7 vỏ màu đen của Nguyễn Đức Đ;

+ 01 sim số thuê bao 0986830613 lắp trong điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung Galaxy J3 vỏ màu vàng lắp số của Nguyễn Văn G.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 34.970.000 đồng; 05 điện thoại di dộng gồm:

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo vỏ màu hồng của Nguyễn Văn T;

+ 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung vỏ màu đen của Hoàng Thị M; + 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Oppo vỏ màu trắng, thu giữ của Hoàng Ngọc P;

+ 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 7 vỏ màu đen của Nguyễn Đức Đ; + 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung Galaxy J3 vỏ màu vàng của Nguyễn Văn G.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Điểm c Khoản 1, Khoản 3 Điều 322; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội "Tổ chức đánh bạc".

- Căn cứ vào: Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Đối với bị cáo Nguyễn Văn T áp dụng thêm Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Hoàng Thị M, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn G, Lại Văn A, Nguyễn Văn D, Hoàng Ngọc K và Nguyễn Văn C phạm tội " Đánh bạc";

+ Căn cứ Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật hình sự;

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

<u>Xử phạt:</u>

- Nguyễn Văn S 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Nguyễn Văn T 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Hoàng Thị M 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Nguyễn Đức Đ 10 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Nguyễn Văn G 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Lại Văn A 07 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Nguyễn Văn D 10 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Hoàng Ngọc K 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Nguyễn Văn C 07 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Hình phạt bổ sung:

+ Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn S 20.000.000 đồng

+ Phạt tiền các bị cáo: Nguyễn Văn T, Hoàng Thị M, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn G, Lại Văn A, Nguyễn Văn D, Hoàng Ngọc K, Nguyễn Văn C mỗi bị cáo 10.000.000 đồng.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo.

- Về vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 chăn màu đỏ, 04 quân xóc, 01 bát bằng sứ bị vỡ thành nhiều mảnh, 01 đĩa bằng sứ bị vỡ thành nhiều mảnh;

+ Tịch thu sung công: số tiền 34.970.000 đồng; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Oppo vỏ màu hồng, lắp số thuê bao 0971586313 của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung vỏ màu đen, lắp số thuê bao 0975726183 của Hoàng Thị M; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Oppo vỏ màu trắng, lắp số thuê bao 0962546248 thu giữ của Hoàng Ngọc P; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 7 vỏ màu đen của Nguyễn Đức Đ, lắp số thuê bao 0962920808; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung Galaxy J3 vỏ màu vàng lắp số thuê bao 0986830613 của Nguyễn Văn G;

Tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền thu lời bất chính của bị cáo Nguyễn Văn S. Xác nhận bị cáo S đã tự nguyện nốp số tiền 6.00.000 tại chi cục thi hành án dân sự huyện C ngày 30/5/2019 theo biên lai số AA/ 2014/ 04442.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *UBND xã N;*
- *VKSND huyện Đông Anh;*
- *Công an huyện Đông Anh;*
- *Chi cục THADS huyện Đông Anh;*
- *Sở TP Thành phố Hà Nội;*
- *Lưu hồ sơ.*

Triệu Thúy Hà